

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch
Ông Đào Đức Việt	Thành viên
Bà Đào Thị Thanh Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2022)
Ông Lê Việt Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thùy Thương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2022)
Ông Đào Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2022)
	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2022)
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Đến ngày 10 tháng 05 năm 2022)
Ông Đào Đức Việt	Tổng Giám đốc (Từ ngày 10 tháng 05 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đào Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 177 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023 từ trang 04 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.940.172.914	6.537.078.442
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.741.373.400	3.766.145.528
1. Tiền	111		4.241.373.400	3.766.145.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.789.287.144	1.820.099.997
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.359.910.120	644.600.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.419.463.024	1.166.499.997
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.914.000	9.000.000
III. Hàng tồn kho	140		400.311.000	-
1. Hàng tồn kho	141		400.311.000	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.009.201.370	950.832.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.311.189.611	419.668.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		698.011.759	531.164.916
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.933.645.456	32.948.050.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		992.455.472	746.172.572
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	992.455.472	746.172.572
II. Tài sản cố định	220		31.540.010.607	28.915.721.698
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	20.037.927.264	17.876.138.359
- Nguyên giá	222		35.681.054.553	27.661.983.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.643.127.289)	(9.785.844.993)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	11.502.083.343	11.039.583.339
- Nguyên giá	228		11.622.500.000	11.135.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.416.657)	(95.416.661)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.532.272.730
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	2.532.272.730
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.401.179.377	753.883.086
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.401.179.377	753.883.086
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		47.873.818.370	39.485.128.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.808.457.515	4.458.220.607
I. Nợ ngắn hạn	310		8.808.457.515	4.458.220.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	756.841.514	1.056.817.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	17.431.920	578.968.308
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	852.173.593	120.054.197
4. Phải trả người lao động	314		692.789.127	81.498.462
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		543.648.433	129.391.423
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	4.344.346.283	1.992.455.325
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.601.226.645	499.035.213
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.065.360.855	35.026.907.921
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	39.065.360.855	35.026.907.921
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.065.360.855	3.026.907.921
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.026.907.921	2.425.426.251
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.038.452.934	601.481.670
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		47.873.818.370	39.485.128.528



Đào Đức Việt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	29.812.631.077	11.262.167.388
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	18	29.812.631.077	11.262.167.388
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	18.442.242.379	9.302.473.773
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.370.388.698	1.959.693.615
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.185.587	1.386.224.850
6. Chi phí bán hàng	25	22	2.215.446.626	783.796.101
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	4.104.081.291	1.405.484.436
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		5.052.046.368	1.156.637.928
9. Thu nhập khác	31		394.800	5.830.460
10. Chi phí khác	32		3.500.000	460.207.162
11. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(3.105.200)	(454.376.702)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.048.941.168	702.261.226
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.010.488.234	100.779.556
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		4.038.452.934	601.481.670
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.262	188



Đào Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.048.941.168	702.261.226
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.882.282.292	4.231.760.989
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.185.587)	(1.146.246.158)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.930.037.873	3.787.776.057
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(913.615.361)	3.892.091.934
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(400.311.000)	391.547.000
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	3.740.528.230	(1.368.202.064)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.538.817.901)	(128.983.483)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	13.111.301.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(400.779.556)	(22.423.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.417.042.285	19.663.107.697
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.443.000.000)	(19.032.070.156)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(14.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	14.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.185.587	1.386.224.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.441.814.413)	(17.645.845.306)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	2.975.227.872	2.017.262.391
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.766.145.528	1.748.883.137
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6.741.373.400	3.766.145.528



Đào Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0106182582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2013 và đăng ký được thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 05 năm 2022. Vốn điều lệ của Công ty là 32.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 77 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 53 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; và
- In ấn.

Hoạt động chính của Công ty là các loại hình giáo dục và đào tạo.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Chi phí sử dụng bản quyền thể hiện khoản tiền Công ty đã trả cho bản quyền chương trình đào tạo đang sử dụng. Chi phí sử dụng bản quyền được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn sử dụng (05 năm).

Chi phí trả trước tiền thuê nhà, thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất tại khu đô thị Xuân Phương và phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đô thị Xuân Phương Công ty không trích khấu hao.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	956.189.000	474.703.257
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.285.184.400	3.291.442.271
Các khoản tương đương tiền (i)	2.500.000.000	-
Cộng	<u>6.741.373.400</u>	<u>3.766.145.528</u>

Ghi chú:

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà với lãi suất 6%/năm theo Hợp đồng số 01/2022/7242780/HĐT.G.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trung tâm phòng, chống Tai nạn Thương tích Trẻ em	1.533.640.000	434.600.000
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity Partners	-	210.000.000
Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Quốc tế SYDNEY	762.130.000	-
Các đối tượng khác	64.140.120	-
Cộng	<u>2.359.910.120</u>	<u>644.600.000</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn FTA	714.499.997	714.499.997
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	404.963.027	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỳ Nguyên	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An	-	440.000.000
Các đối tượng khác	-	12.000.000
Cộng	<u>1.419.463.024</u>	<u>1.166.499.997</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	<u>9.914.000</u>	<u>9.000.000</u>
Ký quỹ, ký cược	8.000.000	9.000.000
Phải thu khác	1.914.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	<u>992.455.472</u>	<u>746.172.572</u>
Tạm ứng	35.150.000	-
Ký quỹ, ký cược	957.305.472	746.172.572
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long (i)	333.383.472	333.383.472
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup (ii)	412.789.100	412.789.100
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Văn Phú (iii)	211.132.900	-
Cộng	<u>1.002.369.472</u>	<u>755.172.572</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản đặt cọc thuê Văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng số 3718/HĐCTMB/SUN SQUARE - TRIVIET ký ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn thuê 6 năm từ ngày 04 tháng 07 năm 2018.
- (ii) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Imperia Garden, Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng số A2B+B2B/IPG/TTTM/HDT ký ngày 17 tháng 05 năm 2018, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 06 năm 2018.
- (iii) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16 tháng 12 năm 2016. Thời hạn hợp đồng 2 năm kể từ ngày ký và mặc nhiên ra hạn trong các năm tiếp theo nếu 2 bên không có sự thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.311.189.611	419.668.001
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	-	412.789.101
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.296.808.444	-
Các khoản khác	14.381.167	6.878.900
b) Dài hạn	2.401.179.377	753.883.086
Phí sử dụng thương hiệu	24.618.684	61.546.680
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	2.041.602.150	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	334.958.543	692.336.406

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	26.645.235.902	1.016.747.450	27.661.983.352
Mua trong năm	2.001.531.750	1.300.000.000	3.301.531.750
Đầu tư XD/CB hoàn thành	4.717.539.451	-	4.717.539.451
Số cuối năm	33.364.307.103	2.316.747.450	35.681.054.553
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	9.009.398.014	776.446.979	9.785.844.993
Khấu hao trong năm	5.559.852.245	297.430.051	5.857.282.296
Số cuối năm	14.569.250.259	1.073.877.030	15.643.127.289
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	17.635.837.888	240.300.471	17.876.138.359
Số cuối năm	18.795.056.844	1.242.870.420	20.037.927.264

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.696.952.231 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	11.000.000.000	135.000.000	11.135.000.000
Mua trong năm	487.500.000	-	487.500.000
Số cuối năm	11.487.500.000	135.000.000	11.622.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	95.416.661	95.416.661
Khấu hao trong năm	-	24.999.996	24.999.996
Số cuối năm	-	120.416.657	120.416.657
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	11.000.000.000	39.583.339	11.039.583.339
Số cuối năm	11.487.500.000	14.583.343	11.502.083.343

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 60.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 60.000.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí tư vấn Dự án: Trải nghiệm về nguồn - ATK thủ đô gió ngàn	-	2.532.272.730
Cộng	-	2.532.272.730

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Hỗ trợ Giáo dục Việt Nam	148.833.778	148.833.778	64.720.000	64.720.000
Nguyễn Đăng Thích	126.033.100	126.033.100	-	-
Trần Thị Loan	120.475.500	120.475.500	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	-	-	835.556.292	835.556.292
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị	85.756	85.756	141.973.516	141.973.516
Các đối tượng khác	361.413.380	361.413.380	14.567.871	14.567.871
Cộng	756.841.514	756.841.514	1.056.817.679	1.056.817.679

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đào tạo và Tổ chức sự kiện Bamboo Việt Nam	6.731.920	-
KLE	10.700.000	-
Học viên trả tiền trước	-	578.968.308
Cộng	17.431.920	578.968.308

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.779.556	1.010.488.234	400.779.556	710.488.234
Thuế thu nhập cá nhân	18.295.279	236.214.725	112.824.645	141.685.359
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	97.723.419	97.723.419	-
Các loại thuế khác	979.362	5.862.457	6.841.819	-
Cộng	120.054.197	1.350.288.835	618.169.439	852.173.593

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền thu trước học phí của các học viên	4.344.346.283	1.992.455.325
Cộng	4.344.346.283	1.992.455.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.142.000	52.142.000
Bảo hiểm xã hội	-	46.893.213
Phải trả phải nộp khác	1.549.084.645	400.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An (i)	863.440.869	200.000.000
- Công ty Cổ phần ATK Châu Á (i)	388.600.000	200.000.000
- Ông Đặng Ngọc Trinh (i)	296.000.000	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.043.776	-
Cộng	<u>1.601.226.645</u>	<u>499.035.213</u>

Ghi chú:

- (i) Hợp tác liên doanh thực hiện dự án ATK - Khu di tích lịch sử - Sinh thái Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên với tổng số vốn đầu tư cho giai đoạn 1 là 8.000.000.000 VND. Dự án đã đầy đủ hồ sơ pháp lý và đã được các cấp phê duyệt thực hiện.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	32.000.000.000	2.425.426.251	34.425.426.251
Lãi trong năm	-	601.481.670	601.481.670
Số đầu năm nay	<u>32.000.000.000</u>	<u>3.026.907.921</u>	<u>35.026.907.921</u>
Lãi trong năm	-	4.038.452.934	4.038.452.934
Số cuối năm nay	<u>32.000.000.000</u>	<u>7.065.360.855</u>	<u>39.065.360.855</u>

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là: 32.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thùy Thương	8.045.000.000	25,14%	11.045.000.000	34,52%
Công ty Cổ phần Fibo Invest	7.680.000.000	24,00%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus	4.550.000.000	14,22%	-	0,00%
Các cổ đông khác	11.725.000.000	36,64%	20.955.000.000	65,48%
Cộng	<u>32.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>32.000.000.000</u>	<u>100%</u>

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	29.812.631.077	11.262.167.388
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	29.812.631.077	11.262.167.388
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>29.812.631.077</u>	<u>11.262.167.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đào tạo	18.442.242.379	9.302.473.773
Cộng	18.442.242.379	9.302.473.773

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.931.761.700	892.147.000
Chi phí nhân công	9.062.949.893	2.274.465.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.882.282.292	4.231.760.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.045.240.037	3.698.268.741
Chi phí khác bằng tiền	1.839.536.374	395.112.186
Cộng	24.761.770.296	11.491.754.311

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.185.587	402.934
Lãi bán các khoản đầu tư	-	967.328.767
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	-	418.493.149
Cộng	1.185.587	1.386.224.850

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	2.712.988.604	901.668.746
Chi phí vật liệu quản lý	38.375.636	31.177.196
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.309.384	6.009.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.107.796	305.587.982
Thuế, phí và lệ phí	17.386.216	65.974.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.297.564	57.282.536
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	689.616.091	37.783.969
Cộng	4.104.081.291	1.405.484.436
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	1.371.498.223	438.240.760
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	25.500.500	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.965.205	21.265.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.518.845	296.912.492
Các khoản chi phí bán hàng khác	270.963.853	27.377.692
Cộng	2.215.446.626	783.796.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.048.941.168	702.261.226
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.500.000	17.592.744
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	3.500.000	17.592.744
- Các khoản chi phí không được trừ	3.500.000	17.592.744
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.052.441.168	719.853.970
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất thông thường	1.010.488.234	143.970.794
Thuế TNDN được giảm	-	(43.191.238)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	1.010.488.234	100.779.556

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.038.452.934	601.481.670
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.038.452.934	601.481.670
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.200.000	3.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.262	188

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2022. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (i)	1.880.714.503	2.529.645.648

Ghi chú:

(i) Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại các địa điểm sau:

- Khoản thuê Văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 3718/HĐCTMB/SUN SQUARE - TRIVIET ký ngày 03 tháng 07 năm 2018, thời hạn thuê 6 năm từ ngày 04 tháng 07 năm 2018. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long. Đơn giá thuê trong năm 2022: Thuê văn phòng: 85.100.000 VND/tháng; Phí dịch vụ: 17.871.000 VND/tháng.
- Khoản thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Imperia Garden theo Hợp đồng thuê mặt bằng số A2B+B2B/IPG/TTTM/HDT ký ngày 17 tháng 05 năm 2018, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 06 năm 2018. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup. Đơn giá thuê trong năm 2022: Thuê văn phòng: 118.740.463 VND/tháng; Phí dịch vụ: 33.634.338 VND/tháng.
- Khoản thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16 tháng 12 năm 2022. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Văn Phú. Đơn giá thuê trong suốt thời gian thuê: Thuê văn phòng: 48.703.200 VND/tháng; Phí dịch vụ: 18.732.000 VND/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Đến ngày 10/05/2022)	392.500.000	208.590.000
Ông Đào Đức Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 10/05/2022) Tổng Giám đốc (Từ ngày 10/05/2022)	385.012.000	139.000.000
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	278.000.000	-
Ông Lê Việt Đức	Thành viên Hội đồng Quản trị (Từ ngày 22/12/2022)	-	-
Ông Phạm Minh Ngọc	Trưởng Ban Kiểm soát (Từ ngày 22/12/2022)	-	-
Bà Kiều Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 22/12/2022)	-	-
Bà Vũ Thị Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Hoàng Giang	Trưởng Ban Kiểm soát (Đến ngày 22/12/2022)	-	-
Bà Phạm Thị Anh	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 22/12/2022)	-	-

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.



Đào Đức Việt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đào Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh
Người lập biểu

